



HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – HÀN QUỐC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

Lê An Hải,
Phó Vụ trưởng,
Vụ Thị trường Châu Á – Thái Bình Dương,
Bộ Công Thương

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

I

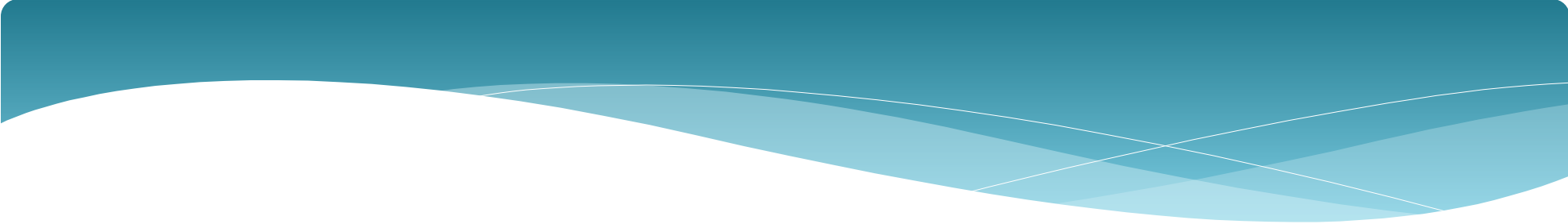
Tổng quan quan hệ kinh tế, Thương mại và đầu tư Việt Nam – Hàn Quốc

II

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

III

Các vấn đề đặt ra khi thực thi VKFTA và các Đề xuất



Phần I

Tổng quan quan hệ kinh tế, Thương mại và đầu tư Việt Nam – Hàn Quốc

Tình hình chung

- ✓ Sớm hoàn thành mục tiêu đưa kim ngạch thương mại song phương lên mức 20 tỷ USD trước năm 2015 và hướng tới mục tiêu 30 tỷ USD vào thời gian tới.
- ✓ Nỗ lực hợp tác vì sự cân bằng cán cân thương mại
- ✓ Hợp tác toàn diện trong lĩnh vực công nghiệp, trong đó coi trọng hợp tác kỹ thuật công nghiệp, công nghiệp phụ trợ.

5/2015
Hai nước chính thức ký kết
Hiệp định VKFTA

22/12/1992
Thiết lập quan hệ ngoại giao
cấp Đại sứ

8/2001
Thiết lập quan hệ đối tác toàn
diện trong thế kỷ 21

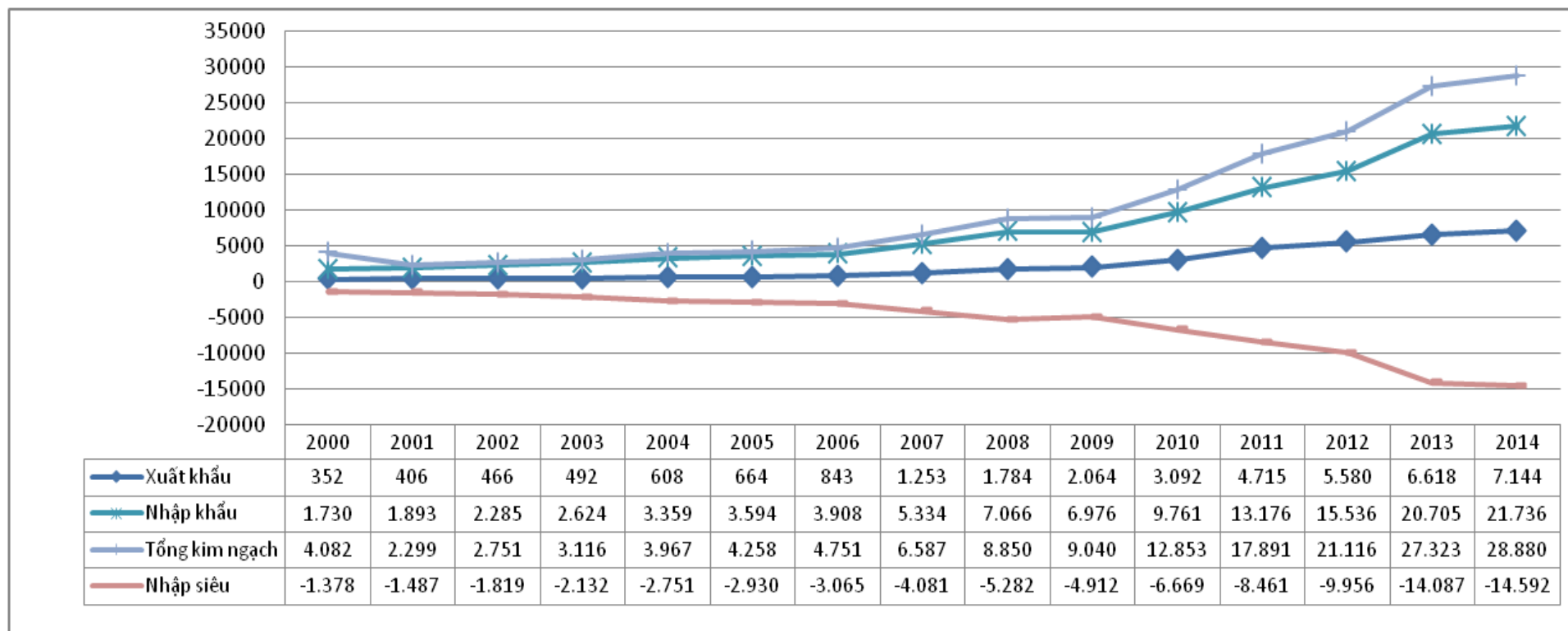
9/2009
Nâng cấp quan hệ lên thành
“Đối tác hợp tác chiến lược”.

Việt Nam và Hàn Quốc còn tích cực hợp tác trong khuôn khổ đa phương như ASEAN- Hàn Quốc, ASEAN+3, ASEAN+6, các diễn đàn APEC, WTO,... Đặc biệt, năm 2007, Việt Nam và các nước ASEAN khác đã ký một FTA với Hàn Quốc (AKFTA). Gần đây nhất, Hai nước đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) vào ngày 5/5/2015.

Tình hình quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc

Quan hệ thương mại song phương tăng trưởng đáng kể trong hơn 2 thập kỷ qua. Thương mại hai chiều đã tăng từ 0,5 tỷ USD năm 1992 lên 28,8 tỷ USD năm 2014, tăng hơn 57 lần trong 24 năm qua. Năm 2014, Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam chỉ sau Trung Quốc, Hoa Kỳ, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam. Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 của Hàn Quốc.

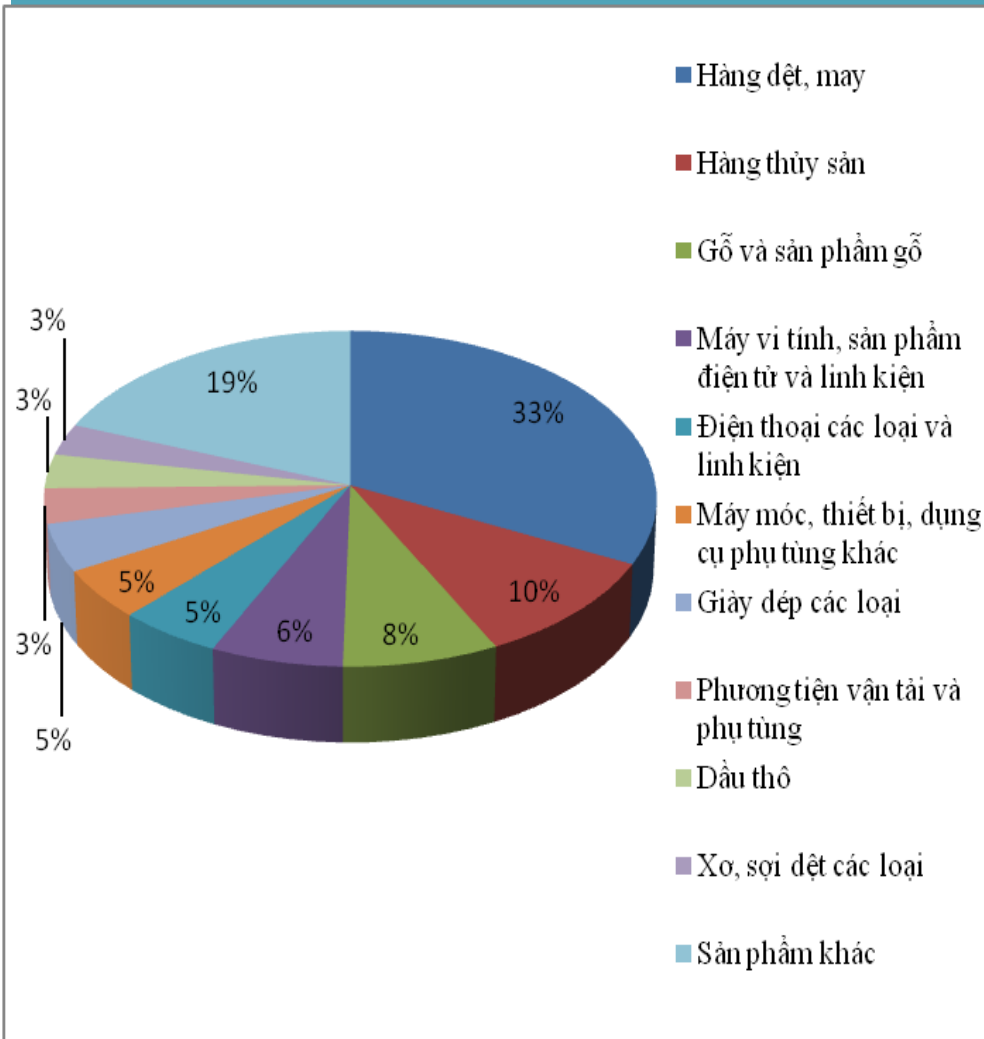
(Đơn vị: triệu USD)



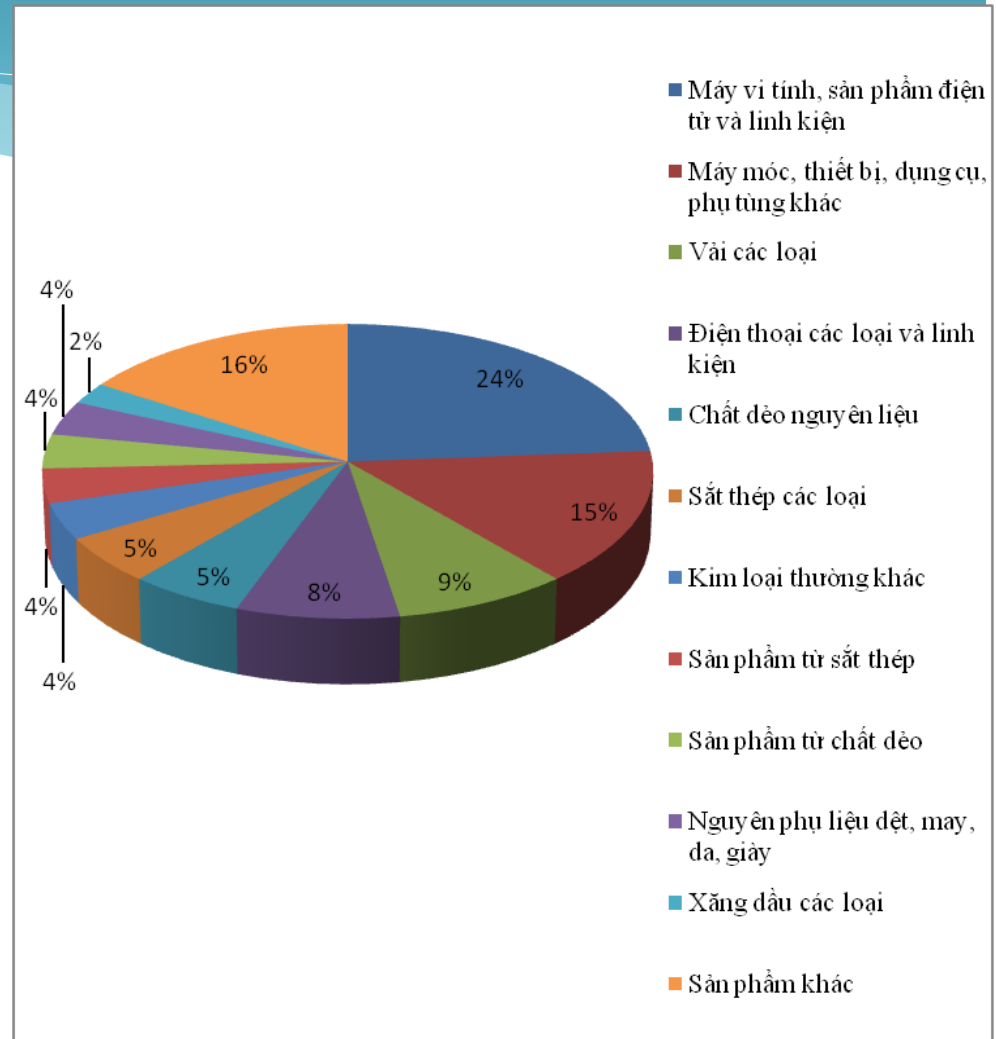
(Nguồn: Tổng Cục Hải quan)

Cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc năm 2014

Xuất khẩu



Nhập khẩu



(Nguồn: Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan)

Cơ cấu xuất nhập khẩu

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là máy vi tính, máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu dệt may, da giày, xăng dầu, sắt thép, chất dẻo, hóa chất, phương tiện vận tải...



Việt Nam xuất khẩu chủ yếu là hàng dệt may, hàng nông lâm thủy sản, giày dép, nguyên liệu thô, điện thoại...

Đặc điểm nổi bật trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc là cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu có tính bổ sung rõ nét, cơ bản không cạnh tranh trực tiếp.

Tình hình đầu tư FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam

(Đơn vị: triệu USD)

		Lũy kế đến 20/04/2015		
TT	Đối tác đầu tư	Số dự án	Vốn đầu tư đăng ký	Vốn thực hiện
1	Hàn Quốc	4.643	43.316,00	
2	Nhật Bản	2.619	37.592,05	12.057,80
3	Singapore	1.405	33.122,81	8.582,82
4	Đài Loan	2.411	28.620,22	12.035,31
5	British Virgin Islands	561	18.455,18	5.984,22
6	Hồng Kông	909	15.828,56	4.977,84
7	Hoa Kỳ	736	11.067,13	2.695,96
8	Malaysia	493	10.818,67	3.698,35
9	Trung Quốc	1.124	8.018,95	3.175,25
10	Thái Lan	388	6.800,01	2.983,93

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, tính đến 20/4/2015

KẾT QUẢ CỦA QUAN HỆ VIỆT NAM – HÀN QUỐC

Giá
trị

- Việt Nam và Hàn Quốc trở thành các đối tác kinh tế thương mại tự nhiên;
- Đã đàm phán thành công và chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do vào tháng 5 năm 2015
- Hàn Quốc trọng tâm vào ĐẦU TƯ – Việt Nam trọng tâm vào THƯƠNG MẠI
 - + HQ đầu tư vào CNNg, Phân phối, Năng lượng, Chế biến thực phẩm, Điện tử, Dịch vụ thương mại, nông nghiệp, phát triển nhân lực.
 - + VN thúc đẩy hợp tác xuất khẩu hàng nông lâm thủy sản; Dệt may, giày dép; Hàng tiêu dùng cao cấp, hàng gia dụng, máy móc thiết bị nhỏ, hàng thực phẩm chế biến, nguyên vật liệu tự nhiên...

MỤC TIÊU:

- 30 tỷ USD trước năm 2015 và hướng tới mục tiêu 70 tỷ USD vào năm 2020
- Nỗ lực hợp tác vì sự cân bằng cán cân thương mại
- Hợp tác toàn diện trong lĩnh vực công nghiệp (*hợp tác kỹ thuật công nghiệp, công nghiệp phụ trợ*).

KẾT QUẢ CỦA QUAN HỆ VIỆT NAM – HÀN QUỐC

Chính trị

**Đối tác
chiến lược**

Thương mại

**Đối tác
lớn thứ 3**

Đầu tư

**Dung lượng
về số dự án
và tổng vốn đăng ký**

Lao động

**Thị trường
xuất khẩu
quan trọng**

Lĩnh vực khác

**Không ngừng
mở rộng**



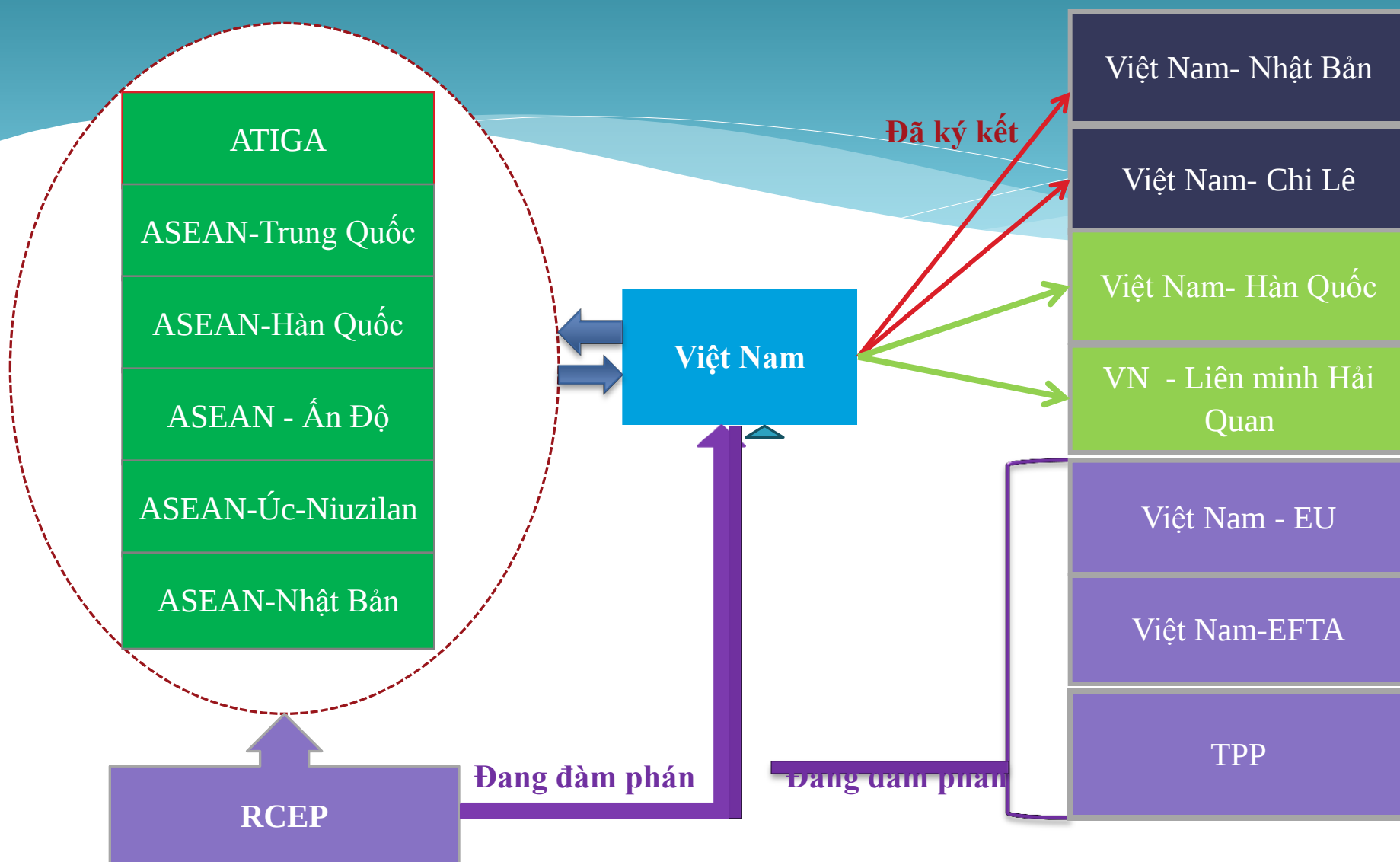
Quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã phát triển toàn diện và sâu sắc

Phần II

Hiệp định VKFTA Cơ hội và thách thức

- * Tổng quan về các FTA Việt Nam đã ký kết
- * Sơ lược về AKFTA
- * Tiến trình đàm phán VKFTA
- * Tác động từ Hiệp định
- * Cơ hội, thách thức và giải pháp

Tổng quan về các FTA Việt Nam đã ký kết và đang đàm phán



Cam kết về thuế nhập khẩu

KHUÔN KHỔ	PHẠM VI (%DT)	THỰC HIỆN	HOÀN THÀNH
1. ASEAN	93/~100	1999	2015/2018
2. ACFTA (Asean - TQ)	85/90	2005	2015/2018
3. AKFTA (Asean - HQ)	87	2007	2018
4. AJEPA (Asean – NB)	87	2008	2025
5. VJEPA (VN-NB)	92	2009	2026
6. AIFTA (Asean - Ấn Độ)	78	2010	2020
7. AANZFTA (Asean – Úc – Newdiland)	90	2009	2020
8. VCFTA (VN- Chi Lê)	89	2014	2030
9. VKFTA (VN-HQ)	89	2016	2031

Sơ lược về Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

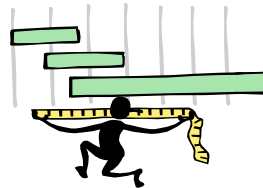
② Hiệp định thương mại dịch vụ

(ký tháng 11/2007,
có hiệu lực từ tháng 5/2009)



① Hiệp định thương mại hàng hóa

(ký tháng 8/2006,
có hiệu lực từ tháng 6/2007)



③ Hiệp định đầu tư

(ký tháng 6/2009,
có hiệu lực từ tháng 9/2009)



Sơ lược về Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

Thương mại hàng hóa (AKFTA)

- Tóm tắt cam kết



Việt Nam cam kết giảm và cắt bỏ hoàn toàn hầu hết các dòng thuế trong danh mục NT vào năm 2016, chậm hơn 6 năm so với các nước ASEAN 6 và Hàn Quốc, với một số dòng thuế có thời hạn cắt giảm linh hoạt đến năm 2018.



Việt Nam cam kết giảm tất cả các dòng thuế SL xuống còn 20% không chậm hơn năm 2017 và sau đó xuống còn 0 – 5% không chậm hơn năm 2021. Về phía Hàn Quốc (và ASEAN 6), lộ trình ngắn hơn, tương ứng là năm 2012 và năm 2016.



Đối với Việt Nam, thời hạn thực hiện Lộ trình cắt giảm thuế quan của Việt Nam chậm hơn 6 năm so với các nước ASEAN 6 (thời hạn này trong đàm phán ASEAN-Trung Quốc là 5 năm). Lịch trình cắt giảm, loại bỏ thuế quan theo Lộ trình NT của Việt Nam cũng linh hoạt hơn so với ASEAN 6 và Hàn Quốc cả về mức độ lẫn thời gian cắt giảm.

Sơ lược về Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

Thương mại dịch vụ AKFTA

- Tóm tắt cam kết

Việt Nam

- Việt Nam mở cửa thị trường dịch vụ cho Hàn Quốc ở 11 lĩnh vực và khoảng gần 110 tiểu lĩnh vực trong tổng số 12 lĩnh vực và 155 tiểu lĩnh vực theo phân loại của WTO, bao gồm: (i) Dịch vụ kinh doanh, (ii) Dịch vụ viễn thông, (iii) Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ cơ khí liên quan, (iv) Dịch vụ phân phối, (v) Dịch vụ giáo dục, (vi) Dịch vụ môi trường, (vii) Dịch vụ tài chính, (viii) Dịch vụ xã hội và liên quan đến y tế, (ix) Dịch vụ liên quan đến du lịch và lữ hành, (x) Dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí, (xi) Dịch vụ vận tải.

Hàn Quốc

- Hàn Quốc cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cho ASEAN trong 11 lĩnh vực và khoảng gần 110 tiểu lĩnh vực, bao gồm: (i) Dịch vụ kinh doanh, (ii) Dịch vụ viễn thông, (iii) Dịch vụ xây dựng, (iv) Dịch vụ phân phối, (v) Dịch vụ giáo dục (vi) Dịch vụ môi trường, (vii) Dịch vụ tài chính, (viii) Dịch vụ liên quan đến du lịch và lữ hành, (ix) Dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí, (x) Dịch vụ vận tải, và (xi) Các dịch vụ khác không được phân nhóm.

Sơ lược về Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

Đầu tư (AKFTA)

- Tóm tắt cam kết

Tương tự các Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư khác và chương đầu tư trong các hiệp định thương mại tự do, Hiệp định đầu tư không chỉ điều chỉnh các nghĩa vụ bảo hộ đầu tư cơ bản mà còn cả các nội dung sâu hơn của bảo hộ. Tuy nhiên, Hiệp định đã hoãn áp dụng một số nội dung, ví dụ quy định đối xử quốc gia (NT), tối huệ quốc (MFN), và việc cấm đưa ra các yêu cầu về kết quả hoạt động.

Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Tiến trình đàm phán Hiệp định VKFTA

2015

Ký tắt ngày 28/3/2015 tại Xơ-un & Ký chính thức ngày 05/5/2015 tại Hà Nội

2014

Tiến hành 5 phiên đàm phán chính thức luân phiên tại mỗi nước và tuyên bố kết thúc đàm phán ngày 10/12/2014 tại Pusan

2013

Tiến hành 2 phiên đàm phán chính thức luân phiên tại mỗi nước

2012

Chính thức khởi động đàm phán tại Hà Nội ngày 06/8/2012

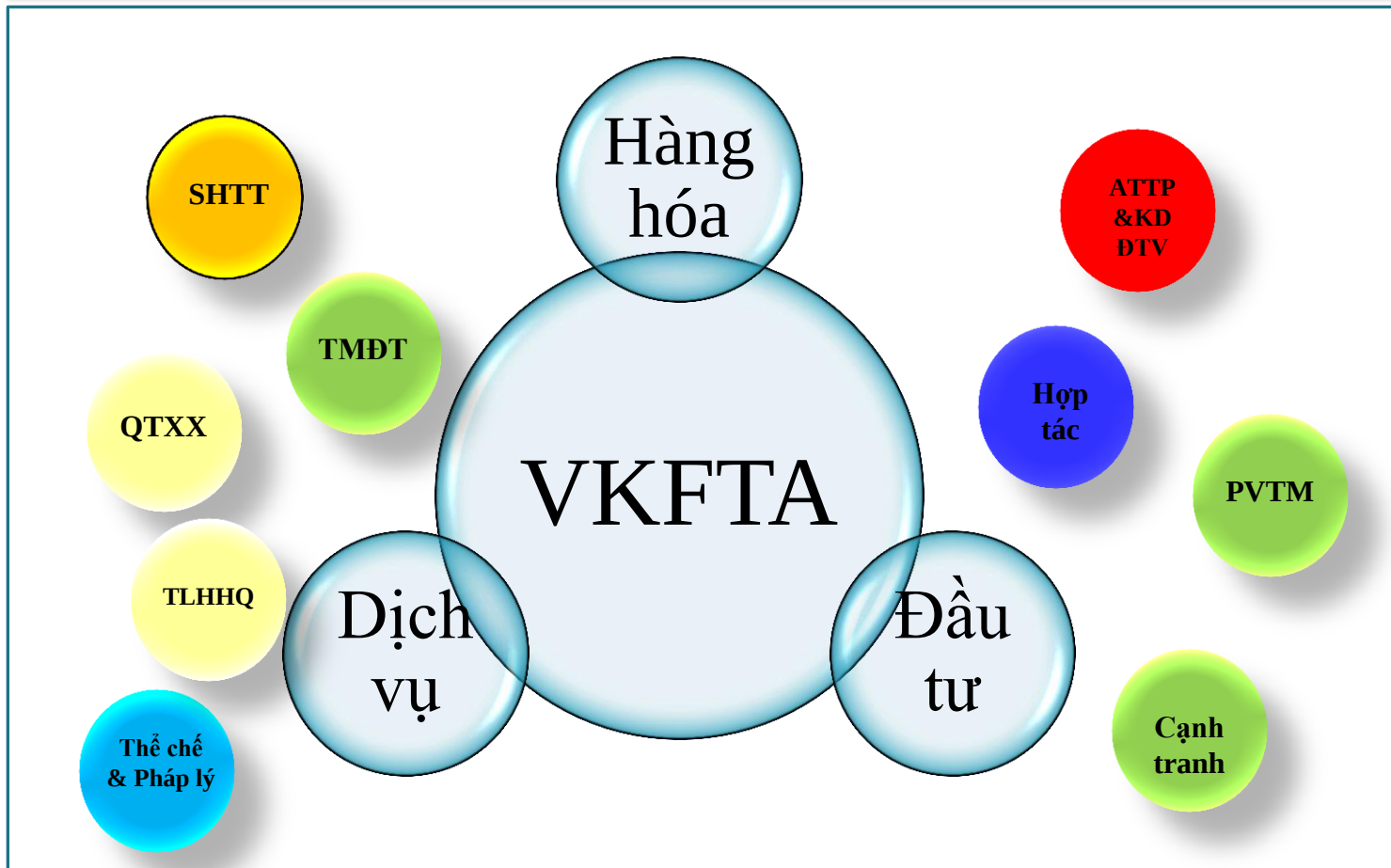
2010

Hai Bên tiến hành nghiên cứu chung (6 phiên, 6/2010-10/2012)

Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Nội dung chính Hiệp định VKFTA

17 Chương, 208 Điều, 15 Phụ lục và 01 Thỏa thuận thực thi các cam kết về hợp tác kinh tế



Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Thương mại dịch vụ (VKFTA)

- Tóm tắt cam kết

Việt Nam

- Việt Nam mở cửa hơn cho Hàn Quốc so với cam kết WTO và Hiệp định AKFTA trong 2 phân ngành: i) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị; và ii) Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác không kèm người điều khiển.

Hàn Quốc

- Hàn Quốc mở cửa thêm cho Việt Nam so với cam kết trong Hiệp định AKFTA đối với 5 phân ngành: i) Dịch vụ pháp lý; ii) Dịch vụ chuyển phát; iii) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa đường sắt; iv) Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ vận tải đường sắt; v) Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên.

Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Đầu tư (VKFTA)

- Tóm tắt cam kết

Chương Đầu tư là một trong những Chương quan trọng của Hiệp định VKFTA với phạm vi áp dụng rộng và sâu hơn Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư VN – HQ và Hiệp định Đầu tư trong Hiệp định FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) gồm các quy định về đối xử quốc gia (NT), tối huệ quốc (MFN), Nhân sự quản lý cao cấp (SMBD), Cấm đưa ra các yêu cầu về kết quả hoạt động, Tước quyền sở hữu, Bồi thường thiệt hại, Chuyển tiền, Thế quyền, Từ chối lợi ích,... Riêng đối với các biện pháp không phù hợp, hai Bên nhất trí xây dựng Danh mục bảo lưu về các quy định pháp luật của mỗi Bên mà không phù hợp với các quy định về NT, MFN, PR, SMBD. Các danh mục này sẽ được xây dựng trong vòng 1 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Hàng hóa (VKFTA)

- Về mức cam kết chung

	AKFTA	VKFTA
Mức độ cam kết của Hàn Quốc	- Giá trị nhập khẩu: 91,7% - Số dòng thuế: 91,3%	- Giá trị nhập khẩu: 97,2 % - Số dòng thuế: 95,4%
Mức độ cam kết của Việt Nam	- Giá trị nhập khẩu: 86,3% - Số dòng thuế: 87,1%	- Giá trị nhập khẩu: 92,7% - Số dòng thuế: 89,2%

Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Hàng hóa

- Về mức cam kết cụ thể của Hàn Quốc

Hàn Quốc dành cho Việt Nam ưu đãi cắt, giảm thuế quan, tạo cơ hội xuất khẩu mới quan trọng đối với các nhóm hàng:

- Nông, thủy sản (chủ lực là tôm, cua, cá, hoa quả nhiệt đới...)
- Hàng công nghiệp (dệt may, đồ gỗ, sản phẩm cơ khí...)

Việt Nam là đối tác FTA đầu tiên được Hàn Quốc mở cửa thị trường đối với những sản phẩm hết sức nhạy cảm trong nước như **tỏi, gừng, mật ong, khoai lang**... (thuế suất những mặt hàng này rất cao từ 241-420% do đặc biệt nhạy cảm với Hàn Quốc).

Ví dụ với mặt hàng tôm, Hàn Quốc miễn thuế cho Việt Nam với lượng hạn ngạch 10 nghìn tấn/năm và tăng dần trong 5 năm đến mức 15 ngàn tấn/năm miễn thuế, trong khi hiện nay Việt Nam chỉ tận dụng được 2.500 tấn/năm miễn thuế trong tổng số 5.000 tấn/năm dành cho 10 nước ASEAN).

Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Hàng hóa

- Về mức cam kết cụ thể của Việt Nam

Cam kết đối với 200 mặt hàng, có KNNK từ Hàn Quốc là 737 triệu USD:

1. Nguyên phụ liệu dệt may, da giày (31 dòng): KNNK 434 triệu USD/năm
2. Động cơ, linh kiện, phụ tùng ô tô (33 dòng): KNNK 96 triệu USD/năm
3. Nguyên liệu nhựa: (8 dòng): KNNK 49 triệu USD/năm
4. Điện gia dụng (15 dòng): KNNK 12,5 triệu USD/năm
5. Máy móc thiết bị (ắc quy, máy biến thế, động cơ điện) (16 dòng): KNNK 14 triệu USD/năm
6. Ô tô (1 dòng xe tải trên 10 tấn, 1 dòng ô tô con trên 3000cc): KNNK 4,6 triệu USD/năm
7. Sản phẩm & linh kiện điện tử (31 dòng): KNNK 33 triệu USD/năm
8. Mỹ phẩm (7 dòng): KNNK 12,7 triệu USD/năm
9. Dược phẩm (6 dòng): KNNK 0,25 triệu USD/năm
11. Dây điện, cáp điện (4 dòng): KNNK 3,2 triệu USD/năm
12. Hàng hóa khác (29 dòng): KNNK 67,7 triệu USD/năm

Tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

Hợp tác, quy tắc và thể chế



Hợp tác kinh tế

- Hợp tác kinh tế là một trong những Chương mang lại lợi ích cụ thể và được Việt Nam quan tâm trong suốt quá trình đàm phán
- Các lĩnh vực hợp tác, dự án hợp tác cụ thể, bố trí kinh phí và phương thức thực hiện cụ thể đối với từng dự án sẽ được thể hiện trong Thỏa thuận thực thi của Chương. Kinh phí thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế ước tính khoảng 5.000.000\$



Các biện pháp An toàn thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật – SPS

- Việc đạt được thỏa thuận về một Chương SPS riêng biệt là một thắng lợi quan trọng của Đoàn đàm phán Việt Nam sau một thời gian dài kiên quyết và kiên trì đàm phán.
- Các cam kết của Chương SPS hướng tới mục tiêu thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác, tăng cường năng lực và tham vấn giải quyết các vướng mắc liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật trong tương lai phát sinh từ thương mại nông sản giữa Việt Nam – Hàn Quốc



Quy tắc, thể chế

- Các cam kết khác về sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, phòng vệ thương mại, giải quyết tranh chấp, biện pháp kỹ thuật đối với thương mại,... đều được thống nhất đảm bảo cân bằng lợi ích, phù hợp với quy định pháp luật trong nước và không ảnh hưởng đến các cuộc đàm phán khác của Việt Nam hiện nay.

Tác động từ Hiệp định AKFTA & VKFTA

Tác động chung

Hiệp định AKFTA & VKFTA hiện nay là văn bản pháp lý toàn diện nhất cho quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc

Hiệp định AKFTA & VKFTA có một số tác động tích cực lên hai nước, mức tác động lên hai nước khác nhau, phụ thuộc vào trình độ phát triển, cơ cấu và khả năng hấp thụ của nền kinh tế.

Hiệp định AKFTA & VKFTA cũng có những hạn chế trong việc cân bằng thương mại song phương, do bị ảnh hưởng phần lớn bởi cấu trúc kinh tế khác nhau và việc gia tăng đầu tư của Hàn Quốc sang Việt Nam

Tác động của Thương mại Dịch vụ

Cải thiện tính minh bạch, tính có thể dự đoán

Tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy đầu tư vốn và công nghệ từ các nhà đầu tư Hàn Quốc vào một số hoạt động cung ứng dịch vụ giá trị gia tăng

Nhân tố hỗ trợ cho thương mại hàng hóa

Nâng cao khả năng cạnh tranh của các nhà cung cấp dịch vụ trong nước

**Góp phần
mở rộng
thương mại
song phương**

Tác động từ cam kết Đầu tư

Các cam kết trong Chương đầu tư phù hợp với Hiến pháp và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Chương Đầu tư cùng với các cam kết khác của Hiệp định VKFTA tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, ổn định, phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần thu hút đầu tư từ Hàn Quốc, một trong những mục tiêu quan trọng của việc đàm phán, ký kết và thực hiện Hiệp định VKFTA. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng tác động của Hiệp định đầu tư đối với môi trường đầu tư ở Việt Nam phụ thuộc đáng kể vào các yếu tố bên ngoài hơn là vào bản thân các cam kết trong hiệp định. Các yếu tố này bao gồm:



Bản chất của đầu tư



Chất lượng thực tại của môi trường đầu tư ở Việt Nam



Vị trí địa lý và năng lực cạnh tranh so với các quốc gia khác trong khu vực

CƠ HỘI TỪ VKFTA

1. Mở rộng thị trường xuất khẩu
2. Tăng lợi thế cạnh tranh cho hàng xuất khẩu của Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh khác trong khu vực
3. Nâng cao hiệu quả nhập khẩu đối với các nhóm hàng nguyên, phụ liệu phục vụ các ngành sản xuất, xuất khẩu chủ lực; giảm phụ thuộc vào nhập khẩu từ một số thị trường truyền thống; góp phần đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu
4. Thu hút vốn đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam

CƠ HỘI TỪ VKFTA

Giá cả hàng hóa cạnh tranh hơn do thuế NK nguyên liệu đầu vào giảm, chi phí sản xuất trong nước giảm

Người tiêu dùng được sử dụng hàng hóa nhập khẩu và nội địa với chất lượng tốt hơn và giá cả rẻ hơn

Cơ hội để DN nhìn lại chính mình, có những thay đổi công nghệ mới, tạo tư duy làm ăn mới

Người lao động có cơ hội học tập, nâng cao năng suất lao động

Hoàn thiện thể chế pháp lý theo hướng tạo thuận lợi kinh doanh, minh bạch và công bằng, tiệm cận với thông lệ quốc tế

Góp phần đẩy nhanh quá trình cải cách, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng

THÁCH THỨC

Với DN: năng lực cạnh tranh của DN vẫn ở mức thấp. Các ngành công nghiệp phụ trợ chưa phát triển

Tạo thêm sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt với những doanh nghiệp chậm đổi mới công nghệ, năng lực quản lý thấp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đối với cơ quan quản lý: (i) việc cắt giảm thuế nhập khẩu dẫn đến giảm thu ngân sách; (ii) Sự phối hợp giữa các cơ quan Bộ, Ngành và giữa cơ quan Trung ương và địa phương chưa thực sự có hiệu quả

Xu hướng tự do hóa TM khiến đối tác các nước cùng tham gia vào thị trường VN => tạo ra một mức độ đào thải cao đối với doanh nghiệp trong nước

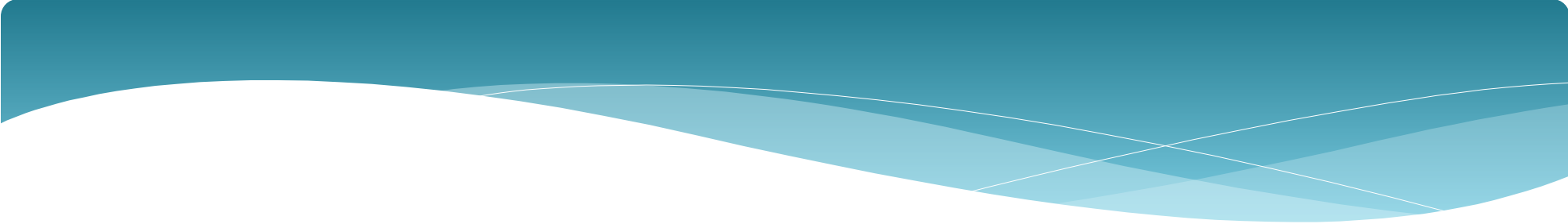
GIẢI PHÁP

Đối với cơ
quan quản lý

- Không ngừng kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực cán bộ
- Tăng cường tuyên truyền cho các DN về các cam kết của Việt Nam và cam kết của các nước đối tác trong các FTA
- Rà soát quy hoạch phát triển ngành, vùng phù hợp với tiến trình hội nhập
- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư trong và ngoài nước
- Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường và giá cả, bình ổn giá cả

Đối với
Doanh nghiệp

- Cần chủ động tìm hiểu thông tin cam kết hội nhập để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh tận dụng được cơ hội cũng như sẵn sàng đối phó cạnh tranh
- Chủ động đầu tư, đổi mới trang thiết bị công nghệ, nâng cao tay nghề và năng lực của người lao động
- Cần chủ động tạo sự liên kết, gắn bó giữa các doanh nghiệp
- Có chiến lược phát triển quan hệ lâu dài với đối tác Hàn Quốc thông qua việc học hỏi các đối tác Hàn Quốc tại Việt Nam



Phần III

Các vấn đề liên quan đến thực hiện VKFTA và Đề xuất

MỘT SỐ NHÓM HÀNG CÓ CƠ HỘI TĂNG CƯỜNG XUẤT KHẨU

1. NHÓM HÀNG DỆT MAY & GIÀY DÉP

- Tận dụng các ưu đãi trong AKFTA và VKFTA;
- Các nhà đầu tư Hàn Quốc trong lĩnh vực này tại Việt Nam
- Chuyển dịch các đơn hàng hiệu quốc tế sang Việt Nam

2. NHÓM HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG VÀ CHẾ BIẾN

- Thị trường có sức tiêu thụ lớn, đa dạng và giá trị gia tăng cao;
- Xu hướng nhà đầu tư Hàn Quốc chuyển nhà máy sang vùng nguyên liệu;
- Cạnh tranh nguồn cung chất lượng cao.

3. NHÓM HÀNG GIA DỤNG

- Xu hướng nhà đầu tư Hàn Quốc chuyển nhà máy sang vùng nguyên liệu;
- Cạnh tranh nguồn cung chất lượng cao (VN có chất lượng cơ bản đồng đều và ổn định so với TQ trong lĩnh vực thủy sản).

4. NHÓM HÀNG THỦY SẢN TƯƠI SỐNG VÀ CHẾ BIẾN SÂU

- Thị trường nhu cầu cao về hàng thủy sản (tươi sống và đông lạnh);
- Nguồn cung ổn định và khả năng chế biến được nâng cao;
- Uy tín thủy sản tươi sống Việt Nam tương đối tốt so với các nguồn cung khác (TQ).

MỘT SỐ NHÓM HÀNG CÓ CƠ HỘI TĂNG CƯỜNG XUẤT KHẨU

5. NHÓM HÀNG NGŨ CỐC CHẾ BIẾN

- Việt Nam đang dần trở thành cơ sở chế biến ngũ cốc tại khu vực;
- Doanh nghiệp Hàn Quốc quan tâm đầu tư trong lĩnh vực này

6. NHÓM HÀNG ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ ĐIỆN

- Dịch chuyển đầu tư của Hàn Quốc trong lĩnh vực điện tử, điện gia dụng sang Việt Nam sẽ giúp tăng cường xuất khẩu nhóm sản phẩm này sang HQ;

7. NHÓM HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGUỒN GỐC TỰ NHIÊN

- Đá tự nhiên granite, đá trang trí, gạch ốp lát;
- Sản phẩm thủy tinh, kính cường lực, kính xây dựng...

8. NHÓM HÀNG MÁY MÓC THIẾT BỊ, CÔNG CỤ CHẾ TẠO VÀ PHỤ TÙNG

9. NHÓM HÀNG TƯƠNG LAI KHÁC...

MỘT SỐ NHÓM HÀNG CÓ CƠ HỘI TĂNG CƯỜNG NHẬP KHẨU

1. **NHÓM HÀNG CÔNG NGHỆ CAO**
2. **NHÓM HÀNG NÔNG SẢN CHẤT LƯỢNG CAO**
3. **NHÓM HÀNG TIÊU DÙNG CAO CẤP**
(Ôtô con, hàng tiêu dùng thực phẩm cao cấp, hóa dược mỹ phẩm)
4. **NGUYÊN NHIÊN PHỤ LIỆU NGÀNH DỆT MAY**
5. **HÀNG HÓA, THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ GẮN VỚI ĐẦU TƯ** (Bao gồm cả FDI và trong nước).
6. **NHÓM HÀNG KHÁC**

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT KHI TRIỂN KHAI VKFTA

- 1. HỢP TÁC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ HIỆP ĐỊNH, NHẤT LÀ CÁC THỎA THUẬN VỀ THỂ CHẾ, HỢP TÁC KINH TẾ**
- 2. TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC THỂ CHẾ, KẾT NỐI KINH TẾ SÂU SẮC**
- 3. HỢP TÁC TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI**
- 4. TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**
- 5. TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC CHIỀU SÂU CHUỖI GIÁ TRỊ Ở HAI NƯỚC THÔNG QUA TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ**
- 6. HỢP TÁC TRONG CẠNH TRANH VÀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ THỊ TRƯỜNG**

MỘT SỐ ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC

- KITA – Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc (www.kita.net)
- KOIMA – Hiệp hội các nhà nhập khẩu (www.import.or.kr)
- KCCI – Phòng TM và CN Hàn Quốc (www.korcham.net)
- QIA - Cơ quan Giám sát và Kiểm dịch Động vật Thực vật Hàn Quốc (www.qia.go.kr)
- KCS – Hải Quan Hàn Quốc (www.customs.go.kr)
- SBC – Tập đoàn Doanh nghiệp Vừa và nhỏ Hàn Quốc (www.sbc.co.kr)
- KBIZ – Nghiệp đoàn doanh nghiệp nhỏ và vừa Hàn Quốc (www.kbiz.or.kr)
- Mạng tin tổng hợp Hàn Quốc www.korea.net

MỘT SỐ ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

* **VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG, BỘ CÔNG THƯƠNG**

Tel: 04 2220 5429

Fax: 04 2220 5518

Email: haila@moit.gov.vn

* **CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, BỘ CÔNG THƯƠNG**

Tel: 04 3934 7628

Fax: 04 3934 8142

* **CỤC XUẤT NHẬP KHẨU, BỘ CÔNG THƯƠNG**

Tel: 04 3934 7628

Fax: 04 3934 8142

* **THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC**

Tel: (822) 362-2013 / 364-3661 / 364-3662 Fax: (822) 364-3664

Email: kr@moit.gov.vn



Chúc thành công
Xin chân thành cảm ơn!